

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 4 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Thu Vân.

Bà Trần Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09/01/2023, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Kim K, sinh năm 1985. Đăng ký thường trú: số Khóm M, Phường M1, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Khóm B, Phường C, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/02/2023).

- Bị đơn: Ông Phạm Tương L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm M, Phường M1, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2022 nguyên đơn bà Phạm Kim K trình bày:

Bà K và ông L đã kết hôn vào ngày 19/10/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tú H, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. Ông bà sống hạnh phúc 03 năm. Đến năm 2015 đến nay ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trong

mối quan hệ, cả hai không cùng quan điểm, thường xuyên cãi vã, hiện tại ông bà không còn sống chung.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung gồm:

Phạm Ngọc Yến M, sinh ngày 23/02/2013 hiện đang sống cùng ông L tại địa chỉ Khóm M, Phường M1, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Phạm Nhật Minh Đ, sinh ngày 07/12/2020, hiện đang sống cùng bà K tại địa chỉ Khóm B, Phường C, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình chung sống, ông bà không có tài sản chung, nợ chung.

Nay bà Phạm Kim K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Kim K yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Tương L.

Về con chung: sau khi ly hôn, bà K đề nghị giao cháu Phạm Ngọc Yến M cho ông Phạm Tương L trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Phạm Nhật Minh Đ giao cho bà Phạm Kim K trực tiếp nuôi dưỡng, bà K và ông L không cấp dưỡng nuôi con chung đối với con không trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh tên Phạm Nhật Minh Đ; 01 bản sao giấy khai sinh tên Phạm Ngọc Yến M.

- *Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13/01/2023 và bị đơn ông Phạm Tương L trình bày:*

Vào ngày 10/01/2023 ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc bà Phạm Kim K muốn ly hôn với ông, theo lời trình bày của bà K trong đơn là đúng sự thật.

Sự việc xảy ra là do ông nóng giận và không kiềm chế được nên sự việc mới xảy ra đến như vậy, ông vô cùng hối hận nhưng ông còn rất yêu thương vợ, con và hai đứa con của ông còn rất nhỏ nên ông nhất quyết không chịu ly hôn.

- *Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Phạm Ngọc Yến M, sinh ngày 23/02/2013 cháu M trình bày:* Hiện cháu đang học lớp 4 tại trường tiểu học Lê Hồng Ph, thành phố ST, hiện nay cháu sống tại địa chỉ Khóm M, Phường M1, thành phố ST. Cháu muốn sống chung với cha mẹ cháu, không muốn cha mẹ cháu ly hôn.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân thủ pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: cho bà Phạm Kim K và ông Phạm Tương L được ly hôn; giao con chung là cháu Phạm Nhật Minh Đ cho bà K và giao cháu Phạm Ngọc Yến M cho ông L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu tròn 18 tuổi, bà K và ông L được quyền thăm nom con chung*

không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh*: Bị đơn thống nhất với các tình tiết, sự kiện nguyên đơn trình bày về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là các tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Kim K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Tương L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Kim K và ông Phạm Tương L tự nguyện kết hôn vào năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Tú H, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01-2011 ngày 19-10-2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông L là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà K có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Trong thời gian chung sống, bà K, ông L đã chung sống hạnh phúc được 03 năm. Từ năm 2015 thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trong mối quan hệ do bất đồng quan điểm sống, ông bà tranh cãi nhiều dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân cho đến nay. Ông L thừa nhận, nguyên nhân mâu thuẫn là lỗi do ông nhưng ông còn yêu thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn. Mặc dù, ý kiến của ông L là không đồng ý ly hôn nhưng ông không hàn gắn được tình cảm với bà K, bà K vẫn kiên quyết xin ly hôn và ông, bà vẫn sống riêng cho đến nay.

Xét thấy, trong quá trình chung sống, ông L đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà K là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà K được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà Phạm Kim K và ông Phạm Tương L xác định trong thời gian chung sống, ông bà có hai người con chung tên Phạm Ngọc Yến M, sinh ngày 23/02/2013 và Phạm Nhật Minh Đ, sinh ngày 07/12/2020. Sau khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh Đ và giao cháu Yến M cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Nhận thấy, cháu Minh Đ hiện nay dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...*” nên việc bà K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh Đ là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với cháu Phạm Ngọc Yến M, từ khi ông L và bà K sống riêng đến nay, cháu M sống cùng ông L, do ông L trực tiếp nuôi dưỡng, nay bà K đề nghị, sau khi ly hôn giao cháu M cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu này của bà K là phù hợp và ông L không có ý kiến phản đối. Do vậy, để đảm bảo sự chăm sóc, giáo dục tốt cho cháu M, hạn chế ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại nên giao cháu M cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

Ngoài ra, căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà K, ông L và các thành viên gia đình không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Kim K và ông Phạm Tương L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Kim K và ông Phạm Tương L xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Phạm Kim K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Tương L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Kim K và ông Phạm Tương L được ly hôn.

2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao cháu Phạm Nhật Minh Đ cho bà Phạm Kim K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Đăng tròn 18 tuổi.

- Giao cháu Phạm Ngọc Yên M cho ông Phạm Tương L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

Bà Phạm Kim K và ông Phạm Tương L và các thành viên gia đình không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phạm Kim K và ông Phạm Tương L không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Kim K và ông Phạm Tương L xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Kim K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000877 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Phạm Kim K đã nộp xong án phí. Ông Phạm Tương L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trúc Phương

